

TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ**DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT TỔNG ĐIỂM TỪ 25,5 ĐIỂM TRỞ LÊN
TRONG KÌ THI VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026**

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Văn	Anh	Toán	Tổng điểm
2	Đỗ Bảo Quyên	9A1	8.5	10	8	26.5
3	Đoàn Hạnh Nhi	9A1	9	10	8.75	27.75
4	Dương Kiều Anh	9A1	8.5	9	9.25	26.75
5	Hồ Ngọc Diệp	9A1	8	8.5	9	25.5
6	Nguyễn Đăng Huy	9A1	7.75	9.75	9.25	26.75
7	Nguyễn Đăng Khánh An	9A1	8.5	9.5	8.25	26.25
8	Nguyễn Đỗ Khánh An	9A1	7.5	9.5	8.75	25.75
9	Nguyễn Duy Khôi	9A1	7.75	10	8.5	26.25
10	Nguyễn Khánh Hiền	9A1	7.25	9.5	9	25.75
11	Nguyễn Linh Giang A	9A1	8.5	9.5	9	27
12	Nguyễn Minh Hương	9A1	8.5	10	9.25	27.75
13	Nguyễn Thu Minh	9A1	8.25	10	8.25	26.5
14	Nguyễn Thùy Dương	9A1	8.5	9	8	25.5
15	Nguyễn Tuệ Anh	9A1	7.75	10	8.75	26.5
16	Phạm Minh Ngọc	9A1	8.25	9	9	26.25
17	Phạm Thủy Linh	9A1	8.5	8.25	8.75	25.5
18	Phạm Tuấn Anh	9A1	7.75	8.5	9.25	25.5
19	Phan Hoàng Diệp Nguyên	9A1	8.5	9.5	9.25	27.25
20	Phan Ngọc Diệp	9A1	8.5	9.5	9	27
21	Phùng Hạnh Giang	9A1	8	9	9	26
22	Phùng Phương Mai	9A1	8.5	9.5	8.5	26.5
23	Trần Lê Minh	9A1	8.25	10	8.5	26.75
24	Văn Hà Hương	9A1	8.25	10	9	27.25
25	Vũ Minh Hằng	9A1	8	10	8.5	26.5
26	Nguyễn Viết Thắng	9A10	8.25	9.25	8.75	26.25
27	Phan Duy Hiếu	9A10	8	8	9.5	25.5
28	Trương Bình Minh	9A10	7.5	10	8.75	26.25
29	Wessel Lucas Duy	9A10	7.75	9.75	8.5	26
30	Đặng Quỳnh Anh	9A11	8	10	8.25	26.25
31	Nguyễn Đăng Khánh	9A11	7.5	9.25	9	25.75
32	Nguyễn Gia Linh	9A11	7.75	9.75	9.5	27
33	Nguyễn Hà Linh	9A11	8	9.5	9.5	27
34	Nguyễn Tùng Lâm	9A11	8.5	8.5	9.5	26.5
35	Phạm Khắc Minh	9A11	7.75	9.5	9	26.25
36	Trần Khánh Vy	9A11	8.25	9.5	8.25	26
37	Bàng Đào Thùy Chi	9A2	7.75	9.5	9	26.25
38	Bùi Đình Tuấn Minh	9A2	8.5	9	9.25	26.75
39	Đinh Hà An	9A2	8.75	9	9	26.75
40	Đinh Minh Phương	9A2	8	10	8.5	26.5
41	Đinh Nguyễn Tuệ Minh	9A2	9	9.75	8.5	27.25
42	Đỗ Ngọc Minh Khuê	9A2	8.25	10	8.5	26.75
43	Hoa Gia Linh	9A2	8.5	10	9.25	27.75
44	Khúc Hà An	9A2	8.5	9.25	8.5	26.25
45	Lê Khánh Ngọc	9A2	8.75	9.75	9	27.5
46	Lê Tiên Dũng	9A2	9	9.5	9.25	27.75
47	Lương Vũ Kim Ngân	9A2	8.25	9.75	9	27
48	Nguyễn Dũng Minh	9A2	7.75	9.75	8.75	26.25
49	Nguyễn Hà Phương	9A2	8.25	9.5	9	26.75

50	Nguyễn Hạnh Minh	9A2	7.75	10	9.5	27.25
51	Nguyễn Hoàng An	9A2	8	10	9.25	27.25
52	Nguyễn Lan Phương	9A2	7.75	9	9	25.75
53	Nguyễn Minh Thư	9A2	9	8.75	9.25	27
54	Nguyễn Minh Trí	9A2	8.75	9	8.75	26.5
55	Nguyễn Ngọc Hà	9A2	8	9.5	8.75	26.25
56	Nguyễn Nhật Minh	9A2	7.5	10	9.5	27
57	Nguyễn Vũ Kiều Giang	9A2	8.75	10	8.25	27
58	Nguyễn Vũ Tuệ Lâm	9A2	7.75	10	9.5	27.25
59	Phạm Ngọc Linh	9A2	8.25	9.25	9	26.5
60	Phạm Phú Minh	9A2	8	9.75	9.25	27
61	Tạ Huyền My	9A2	8.25	9.75	9	27
62	Thái Ngọc Nhi	9A2	7.25	10	9	26.25
63	Trần Hà Vy	9A2	8.75	10	9	27.75
64	Trần Lan Phương	9A2	7.5	10	9.25	26.75
65	Trần Minh Anh	9A2	9	10	9.5	28.5
66	Trần Nam Bách	9A2	7.75	9.25	9.25	26.25
67	Trần Quốc Quyền	9A2	8.75	9.25	9	27
68	Trần Yên Nhi	9A2	7.75	9.75	9	26.5
69	Vũ Mai Anh	9A2	8	9.5	9	26.5
70	Đinh Ngọc Mai	9A3	8.25	9.25	9	26.5
71	Dương Phương Nhi	9A3	7.75	9.75	9	26.5
72	Hoàng Yên Nhi	9A3	8.5	8.5	8.75	25.75
73	Lê Hà Phương	9A3	7.75	8.75	9	25.5
74	Lê Nam Anh	9A3	7.5	9.75	9.25	26.5
75	Lê Ngọc Quyên	9A3	8.5	9	9	26.5
76	Nguyễn Gia Bách	9A3	7.25	9.75	9	26
77	Nguyễn Hà My	9A3	8.75	7.75	9	25.5
78	Nguyễn Hữu Huy	9A3	8	9.5	8.75	26.25
79	Nguyễn Phương Nga	9A3	8.25	9.5	7.75	25.5
80	Nguyễn Trang Linh	9A3	8.5	9.75	9	27.25
81	Nguyễn Vũ Ngọc Hà	9A3	8.5	9.75	8.75	27
82	Phạm Đức Tín	9A3	8	9	9	26
83	Phạm Ngọc Linh Chi	9A3	8.5	8.5	9	26
84	Trần Đức Minh	9A3	8	9.25	9.25	26.5
85	Trịnh Phương Anh	9A3	8.75	9.5	9.25	27.5
86	Trương Hải Nam	9A3	7.75	8.5	9.25	25.5
87	Bùi Hoàng Tú	9A4	7.5	10	8.5	26
88	Đặng Lâm Anh	9A4	7.5	9	9.5	26
89	Đỗ Quốc Hưng	9A4	8.5	9.75	9	27.25
90	Đỗ Trần Nguyệt Hà	9A4	8	9.5	9	26.5
91	Đoàn An Khanh	9A4	8.75	9.75	9.25	27.75
92	Hoàng An Khang	9A4	7.5	9.5	9.25	26.25
93	Hoàng Hải Đức Minh	9A4	8.75	10	8.25	27
94	Hoàng Mỹ Lâm	9A4	8.5	9.75	9.5	27.75
95	Hoàng Phan Minh Đăng	9A4	8.5	8.75	8.25	25.5
96	Kiều Vũ Quỳnh Chi	9A4	8	9.5	9	26.5
97	Lê Duy Hiếu	9A4	8	8.5	9	25.5
98	Lê Hoàng Bách	9A4	7.5	9.25	9.5	26.25
99	Lưu Quốc An	9A4	8.25	8.5	9	25.75
100	Nguyễn Công Quốc An	9A4	8.5	9.25	9.25	27
101	Nguyễn Hoàng Hà Ngân	9A4	8.5	8	9.25	25.75
102	Nguyễn Huy Anh	9A4	8.25	8.75	9	26

103	Nguyễn Khánh Linh	9A4	8.75	8	9	25.75
104	Nguyễn Minh Hà An	9A4	8.25	9.25	9	26.5
105	Nguyễn Quốc Nam	9A4	7.75	9.25	9.25	26.25
106	Phạm Nam Anh	9A4	8.25	9.75	9.25	27.25
107	Phạm Phương Linh	9A4	7.5	9.5	9	26
108	Trần Minh Hà	9A4	8	9.75	8	25.75
109	Trần Xuân Bách	9A4	8	9.5	9.25	26.75
110	Vũ Khánh Linh	9A4	8.5	9.75	8.75	27
111	Vũ Minh Anh	9A4	7.5	8.5	9.5	25.5
112	Vũ Tiến Cường	9A4	8.5	9.5	9.25	27.25
113	Đào Hải Phong	9A5	7.75	9	9	25.75
114	Hoàng Minh Khôi	9A5	8	8.25	9.25	25.5
115	Kiều Lưu Anh Khoa	9A5	8	9.5	9.25	26.75
116	Lã Nguyễn Anh Thư	9A5	8	8.5	9	25.5
117	Lưu Trà Giang	9A5	8	8.75	9	25.75
118	Lý Chúc Anh	9A5	7.75	9.5	8.5	25.75
119	Nguyễn Bảo Phương	9A5	7.75	9.5	8.75	26
120	Nguyễn Lâm Khoa	9A5	8	10	8.5	26.5
121	Nguyễn Minh Anh	9A5	8	9.75	8.5	26.25
122	Nguyễn Phúc Lâm	9A5	8	9.75	9	26.75
123	Nguyễn Thảo Nguyên	9A5	8.5	8.75	9	26.25
124	Nguyễn Vũ Minh	9A5	8	9.25	9.25	26.5
125	Phạm Thanh Giang	9A5	7.75	9.5	9.5	26.75
126	Phạm Thùy Trang	9A5	8.5	9.5	9.25	27.25
127	Trần Ngọc Minh Khuê	9A5	9	9	9.5	27.5
128	Trần Sơn Hải	9A5	7.75	9.25	9.25	26.25
129	Trịnh Đình Lâm	9A5	8	10	8.5	26.5
130	Vũ Ngọc Hà	9A5	8.75	9	9	26.75
131	Đặng Vũ Minh Nhật	9A6	7.25	9.75	8.5	25.5
132	Đỗ Tuấn Trường	9A6	7.5	9.5	8.75	25.75
133	Đoàn Việt Hà	9A6	8.25	10	9.25	27.5
134	Hồ Minh Khang	9A6	8	9.25	9	26.25
135	Lê An Khôi Nguyên	9A6	8	9.5	8	25.5
136	Lê Việt Huy	9A6	6.5	9.75	9.5	25.75
137	Nguyễn Chí Bảo Sơn	9A6	8.25	8.5	9.5	26.25
138	Nguyễn Đức Trí	9A6	7.5	9.5	9.25	26.25
139	Nguyễn Tấn Phát	9A6	7.5	9.25	9.75	26.5
140	Nguyễn Tuấn Kiệt	9A6	7.25	10	9	26.25
141	Phạm Doãn Lâm	9A6	8	8.75	9	25.75
142	Phạm Hùng Anh	9A6	7.25	9.5	9	25.75
143	Phạm Sao Lam	9A6	8.75	8.5	8.5	25.75
144	Phạm Trang Nhung	9A6	8	8.75	9	25.75
145	Phan Minh Đức	9A6	8	9.5	8.25	25.75
146	Phan Thùy Dương	9A6	8	8.75	9	25.75
147	Trần Gia Bảo	9A6	8.25	9	8.75	26
148	Trần Nguyễn Kim Liên	9A6	8.5	9.5	8	26
149	Trịnh Hoàng Nam Khánh	9A6	8.25	9.25	9	26.5
150	Vũ Mai Chi	9A6	8	9.5	9	26.5
151	Bùi Bảo Châu	9A7	8.25	10	8.5	26.75
152	Đào Lâm Trà	9A7	8.5	9.25	8.75	26.5
153	Đào Vũ Gia Huy	9A7	8	10	9	27
154	Doãn Minh Quân	9A7	8	10	8.5	26.5
155	Dương Tuấn Minh	9A7	7.75	9.75	8.5	26

156	Hoàng Minh Minh	9A7	8	10	8.5	26.5
157	Hoàng Ngọc Khánh Vy	9A7	8.5	9	8.5	26
158	Ngô Phúc Hải	9A7	8.75	10	9	27.75
159	Nguyễn Đức Thành	9A7	7	9.75	9	25.75
160	Nguyễn Hoàng Duy	9A7	8	9	9.5	26.5
161	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thy	9A7	8.5	9.75	9	27.25
162	Nguyễn Phạm Ngân Hà	9A7	8	9.5	9	26.5
163	Nguyễn Thanh Mai	9A7	7.75	9.25	8.5	25.5
164	Phạm Chúc Linh	9A7	8.25	9.5	8	25.75
165	Phạm Gia Huy	9A7	7.5	10	8.25	25.75
166	Tạ Hải Phong	9A7	7.75	10	9	26.75
167	Trần Bích Ngọc	9A7	8.75	9.5	8.75	27
168	Trần Minh Thư	9A7	8.5	9	8.25	25.75
169	Trần Thanh Mai	9A7	8.75	10	8.75	27.5
170	Bùi Quang Thái Việt	9A8	8.25	9	8.25	25.5
171	Lâm Thùy Dương	9A8	7.75	8.5	9.5	25.75
172	Lê Gia Linh	9A8	8	9	8.5	25.5
173	Lương Gia Hân	9A8	8	9.5	9.25	26.75
174	Nguyễn Bảo Nam	9A8	8.5	10	9.5	28
175	Nguyễn Duy Đức Sơn	9A8	8	9.75	8.75	26.5
176	Nguyễn Hà Linh	9A8	8.25	9.25	9	26.5
177	Nguyễn Khoa Nam	9A8	7.25	10	8.75	26
178	Nguyễn Thiên Hồng	9A8	8.25	9	8.5	25.75
179	Trần Bảo Linh	9A8	8	9.75	9	26.75
180	Trần Đức An	9A8	8.25	9.75	9	27
181	Trần Hà Phương	9A8	7.75	9.5	9	26.25
182	Trần Thanh Hà	9A8	8	9.25	9	26.25
183	Triệu Bình Sơn	9A8	8	10	9.25	27.25
184	Đỗ Kiều Anh	9A9	8.25	9.25	9	26.5
185	Hoàng Thành Đạt	9A9	7.75	9.25	9	26
186	Nguyễn Hải Long	9A9	8	9.5	9.25	26.75
187	Nguyễn Minh Khang	9A9	8	9.5	9	26.5
188	Đinh Việt Anh	9P	8.25	9	8.75	26
189	Hoàng Bảo Đan	9P	8	9.75	8.5	26.25
190	Hoàng Chi Diệu Linh	9P	8	10	9	27
191	Nguyễn Hoàng Anh	9P	8.25	9.75	8	26
192	Nguyễn Minh Tuấn	9P	7.75	10	9.5	27.25
193	Phạm Chúc An	9P	7.3	9.5	8.5	25.3
194	Trần Hoàng Khanh	9P	8.25	9.75	9	27